

Số: 1586/TB-YHCT

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
MỜI BÁO GIÁ CUNG CẤP THUỐC CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm và có đủ khả năng cung cấp thuốc theo danh mục đính kèm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Hương Giang

Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính

Số điện thoại: 0208 3846014

Địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên, Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên (đối với trường hợp gửi bưu điện, Bệnh viện nhận được báo giá phải trong thời hạn tiếp nhận báo giá).

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: Để thuận tiện cho việc tiếp nhận báo giá được nhanh chóng, đề nghị các đơn vị báo giá vui lòng gửi bản scan báo giá đến địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com. Bản cứng (có đóng dấu) các đơn vị báo giá cần gửi theo hai cách thức trên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7h giờ 30 phút ngày 27 tháng 7 năm 2026 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 6 tháng 8 năm 2026.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: (Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến địa điểm tại Nhà thuốc Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nêu trên, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: 12 tháng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

+ Tạm ứng: Không thực hiện.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu đã giao đủ hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật).

- Số lần thanh toán: Thanh toán thành một đợt hoặc nhiều đợt theo tiến độ giao hàng và kết quả nghiệm thu dịch vụ.

5. Các thông tin khác: Không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KHTH (để đăng tải);
- Lưu VT, KD, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Bình

PHỤ LỤC
DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo Thông báo số 1586/TB-YHCT ngày 27/7/2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	BDG	Viên nén	Uống	Viên
2	Betahistine dihydrochloride	24mg	1	Viên nén	Uống	Viên
3	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	Viên
4	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	BDG	Viên nén kháng dịch dạ dày	Uống	Lọ
5	Etoricoxib	60mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	Viên
6	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticules)	145mg	BDG	Viên nén bao phim	Uống	Viên
7	Gabapentin	300mg	BDG	Viên nang cứng	Uống	Viên
8	Gliclazide	30mg	BDG	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Uống	Viên
9	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	1	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Viên
10	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	1	Bột pha tiêm	Tiêm/Tiêm truyền	Lọ
11	Oseltamivir	75mg	1	Viên nang cứng	Uống	Viên
12	Perindopril + Amlodipin	3,395mg+5 mg	1	Viên nén	Uống	Viên
13	Perindopril + Indapamid + Amlodipin	3,395mg+1,25mg+5mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
14	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril)	5mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
15	Pregabalin	75mg	BDG	Viên nang cứng	Uống	Viên
16	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
17	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	BDG	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Xịt theo đường miệng	Bình xịt
18	Alphachymotripsin	21microkatal	1	Viên nén	Uống	Viên
19	Ambroxol	30mg	3	Viên nén	Uống	Viên
20	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	5mg/ml + 2mg/ml	1	Hỗn dịch để tiêm	Tiêm	Ống
21	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	1	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
22	Cao bạch quả (Ginkgo biloba extract) 40mg; Vitamin B1 (Thiamin Nitrat) 10mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 5mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 10mg	40mg; 10mg; 5mg; 5mg;10mg	4	Hộp 5 Ống	Uống	Viên
23	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500mg/2ml	500mg/2ml	5	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống
24	Clarithromycin	125mg/5ml/Hộp 60ml	5	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Lọ
25	Diclofenac natri 1g	1g/25g	1	Dung dịch xịt ngoài da	Xịt ngoài da	Chai
26	Human Albumin	200g/l	1	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai
27	Levodopa, Benserazide	200mg; 50mg	1	Viên nén	Uống	Viên
28	L-Ornithin - L-aspartat	400mg	4	Viên nang mềm	Uống	Viên
29	Methocarbamol 750mg	750mg	2	Viên nén bao phim	Uống	Viên
30	Mỗi gói 15g chứa Magnesium hydroxid 800,4mg; Aluminium hydroxide (dưới dạng dried Alumium hydroxyde gel) 612mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion 30%) 80mg	800,4mg + 612mg + 80mg)/15g	4	Hỗn dịch uống	Uống	Gói
31	Mỗi gói 2,6g chứa: Sucralfate 1000mg	1000mg	4	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Uống	Gói
32	Mỗi tuýp 40g chứa: Bạc sulfadiazin 0,4g	400mg/40mg	2	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	Tuýp
33	Nicorandil	5mg	2	Viên nén	Uống	Viên
34	Paracetamol; Diphenhydramine hydrochloride; Phenylephrine hydrochloride	325mg + 25mg + 5mg	4	Viên nén bao phim	Uống	Viên
35	Phân đoạn Flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg + 50mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
36	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	1	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên
37	Methylprednisolon	16mg	1	Viên nén	Uống	Viên
38	Amlodipin (Dưới dạng amlodipin besilat)	5mg (Dưới dạng amlodipin besilat)	3	Viên nang cứng	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
39	Etoricoxib	60mg	3	Viên nén bao phim	Uống	Viên
40	Eperison hydroclorid	50mg	1	Viên nén	Uống	Viên
41	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	1	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Viên
42	Mỗi 5ml chứa: Calci ascorbat khan (dưới dạng Calci ascorbat) 250mg; Lysin hydroclorid 141,7mg; Acid ascorbic (dưới dạng Lysin ascorbat) 136,6mg	250mg, 141,7mg, 136,6mg	4	Dung dịch uống	Uống	Ống
43	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	(215,2mg/ml x 10ml)	1	Dung dịch tiêm và truyền	Tiêm	Ống
44	Citicoline (dưới dạng Citicoline sodium)	1000mg/4ml	1	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống
45	Silymarin (dưới dạng cao khô Silybum marianum 311,1mg) 140mg	140mg	4	Viên nang cứng	Uống	Viên
46	Piracetam	1.200mg/6ml (20%)	4	Dung dịch uống	Uống	Ống
47	Amoxicillin, Clavulanic acid	500mg+125mg	3	Viên nén bao phim	Uống	Viên
48	Loratadine	10 mg	3	Viên nén bao phim	Uống	Viên
49	Gabapentin	300 mg	1	Viên nang cứng	Uống	Viên
50	Cytidin-5-monophosphat disodium + Uridine	5mg + 1,33mg	1	Viên nang cứng	Uống	Viên
51	Omeprozole	20mg	1	Viên nén	Uống	Viên
52	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat kali clorid 331,6 mg tương đương với 196,3 mg glucosamin base) 250 mg; Chondroitin sulfat natri 200mg	250mg, 200mg	4	Viên nang cứng	Uống	Viên
53	Metronidazole +Spiramycin	750.000IU + 125mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
54	Arginin aspartat	1000 mg	4	Viên nén sủi bọt	Uống	Viên
55	Cinnarizine	25 mg.	1	Viên nén	Uống	Viên
56	Perindopril (dưới dạng Perindopril Arginine 5mg) 3,395mg; Indapamide 1,25mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg	5mg; 1,25mg; 5mg	1	Viên nén bao phim	Uống	Viên
57	Rosuvastatin	10 mg	1	Viên nén	Uống	Viên
58	Trimetazidine dihydrochloride	35 mg	1	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
59	Acetyl-leucine (Acetyl-DL-leucine)	500mg	1	Viên nén	Uống	Viên
60	Natri clorid	0,9%; 10ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Lọ
61	Bạch cập + Bạch thược + Bạch truật + Cam thảo + Nhân sâm + Hoàng liên + Mộc hương + Hương phụ + Ô tặc cốt	0,5g + 0,5g + 0,5g + 0,1g + 2,0g + 2,0g + 1,0g + 0,5g + 2,0g	3	Thuốc bột	Uống	Gói
62	Bột chiết bèo hoa dâu (tương đương với 7,2g dược liệu) 500mg	500mg	3	Viên nang cứng	Uống	Viên
63	Đan sâm; huyền sâm; đương quy; Viễn chí; toan táo nhân; bá tử nhân; bạch linh; đảng sâm; cát cánh; ngũ vị tử; mạch môn, chu sa; thiên môn đông; sinh địa	0,07g; 0,07g; 0,28g; 0,07g; 0,28g; 0,07g; 0,07g; 0,07g; 0,07g; 0,14g; 0,28g; 28mg; 0,28g; 0,56g.	3	Viên hoàn cứng	Uống	Gói
64	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Ba kích 60 mg; Hà thủ ô đỏ 58 mg; Bách hợp 60 mg; Nhân sâm 7,2 mg; Bạch linh 58 mg; Nhục thung dung 24 mg; Bạch truật 36 mg; Nhung hươu 2,4 mg; Cam thảo 5 mg; Hạt sen 88 mg; Thỏ ty tử 40 mg; Câu kỷ tử 40 mg; Thục địa 240 mg; Cẩu tích 30 mg; Trạch tả 30 mg; Hoài sơn 76 mg; Tục đoạn 58 mg; Đảng sâm 24 mg; Xuyên khung 30 mg; Đỗ trọng 24 mg; Viễn chí 16 mg; Đương quy 40 mg) 125 mg; Cao khô Lộc giác 28,8 mg	125mg 28,8mg	2	Viên nang cứng	uống	Viên
65	Đảng sâm 1,024g, Hoàng kỳ 0,816 g, Đương quy 0,184g, Bạch truật 0,184g, Thăng ma 0,184g, Sài hồ 0,184g, Trần bì 0,184g, Cam thảo 0,184g, Đại táo 0,816g	1,024g, 0,816 g, 0,184g, 0,184g, 0,184g, 0,184g, 0,184g, 0,184g, 0,816g, tá dược vừa đủ 8g	3	Viên hoàn mềm	Uống	Viên
66	Cao khô rễ Đinh lăng 6,25:1 (Extractum Radix Polysciacis siccus); Cao khô lá Bạch quả	240mg + 100mg	2	Viên nang mềm	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
	(Extractum Folii Ginkgo siccus) (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq 24\%$)					
67	Mỗi 1ml dung dịch chứa Cao khô lá Bạch quả 40mg	40 mg	4	Dung dịch uống	Uống	Ống
68	Ô đầu + Địa liên + Đại hồi + Quế nhục + Thiên niên kiện + Uy linh tiên + Mã tiền + Huyết giác + Xuyên khung + Tế tân + Methyl salicylat	500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 5ml	4	Cồn xoa bóp	Dùng ngoài	Lọ
69	Cao xương hổn hợp + Hoàng bá + Tri mẫu + Trần bì + Bạch thược + Can khương + Thục địa	324mg + 1,2g + 0,15g + 0,30g + 0,30g + 0,075g + 0,30g	3	Viên nang cứng	Uống	Viên
70	Lá khô, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt	160mg + 120mg + 120mg + 120mg + 120mg	3	Viên nang cứng	Uống	Viên
71	Đương quy, Bạch truật, Đẳng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược, Tá dược vđ 9,00g	0,54g, 0,585g, 0,90g, 0,216g, 0,90g, 0,108g, 0,405g, 0,585g, 0,27g, 0,54g, Tá dược vđ 9,00g	3	Viên hoàn mềm	Uống	Viên
72	Hà thủ ô đỏ, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa, Hồng hoa	10ml: 1,6g + 2,4g + 2,4g + 2,4g + 1,6g + 3,2g + 1,2g)	3	Cao lỏng	Uống	Ống
73	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ	(180mg + 600mg + 600mg + 150mg + 638mg)	3	Viên nén bao phim	Uống	Viên
74	Mã tiền 50mg, thương truật 20mg, Hương phụ 13mg, Mộc hương 8mg, Địa liên 6mg, Quế chi 3mg	50mg, 20mg, 13mg, 8mg, 6mg, 3mg	3	Viên nén bao phim	Uống	Viên

HỒ SƠ CÔNG TY CUNG CẤP
(Kèm theo Thông báo số 1586/TB-YHCT ngày 27/7/2026
của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên)

Hồ sơ cung cấp Công ty sắp xếp theo thứ tự lần lượt như sau:

I. Hồ sơ pháp lý công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Bản cam kết (Theo biểu mẫu đính kèm)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối nhà thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc GMP của cơ sở sản xuất (bản sao công chứng)

II. Hồ sơ sản phẩm

1. Báo giá công ty (Phụ lục 1)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/ quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
3. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
4. Ủy quyền của nhà phân phối hoặc hãng sản xuất đối mặt hàng báo giá
5. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 1586/TB-YHCT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền)

Tên Đơn vị cung cấp

Người liên hệ:

Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên

Công ty..... kính gửi bệnh viện báo giá sản phẩm công ty có khả năng cung cấp Bệnh viện. Cụ thể như sau:

Stt	Tên hoạt chất theo GPLHSP	Tên thuốc theo GPLHSP	Nồng độ - hàm lượng theo GPLHSP	Dạng bào chế theo GPLHSP	Đường dùng theo GPLHSP	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số GPLHSP hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Đơn giá (có VAT)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (QĐ; ngày qđ; tên Đơn vị trúng thầu)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

.....ngày tháng năm

Đại diện đơn vị cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông báo số 1586/TB-YHCT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của
Bệnh viện Y học cổ truyền)

Tên đơn

Vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số:

/

....., ngày tháng năm 20

BẢN CAM KẾT

Sau khi nghiên cứu thông báo số /... của Bệnh viện mời tham dự xét chọn thuốc phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện, chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu như sau:

1. Thông tin, tài liệu tham dự xét chọn chính xác, đúng quy định của pháp luật.
2. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng tiến độ và phạm vi cung cấp.
3. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
4. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của các cơ sở y tế trên địa bàn cả nước.
5. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng:
Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. *Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.*
6. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào hàng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời hàng, đơn vị ký hợp đồng hay cơ sở y tế và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.
7. Điều chỉnh hạ giá để đảm bảo:
- Giá bán thuốc không cao hơn giá trúng thầu của thuốc trên địa bàn; không cao hơn giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia và tập trung tại địa phương tại cùng thời điểm.

Đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]